

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I	Lĩnh vực Phòng bệnh								
1	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp Mã số: 1.013860.H42	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Phòng, chống HIV/AIDS ngày 29/6/2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống HIV/AIDS ngày 16/11/2020; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;		x	
2	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp Mã số: 1.013864.H42	Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
3	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	27 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 9.000.000 VNĐ (Theo quy định tại Thông tư số 59/2023/TT-	x	- Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.		x	

	Mã số: 1.013878. H42			BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính)		- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn Mã số: 1.013884. H42	Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí 9.000.000 VNĐ (Theo quy định tại Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính)	x			x	
5	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất Mã số: 1.013893. H42	Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm: 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm: 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 9.000.000 VNĐ (Theo quy định tại Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính)	x			x	
6	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay	Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 9.000.000 VNĐ (Theo quy định tại Thông tư số 59/2023/TT-	x	- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006;		x	

	đổi tên của cơ sở xét nghiệm Mã số: 1.013865.H42	đầy đủ và hợp lệ Trường hợp 2: Không thăm định tại phòng xét nghiệm 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính)		- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống HIV/AIDS ngày 16/11/2020; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
7	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính Mã số: 1.013869.H42	Trong thời gian 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006;		x	
8	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính Mã số: 1.013873.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống HIV/AIDS ngày 16/11/2020. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;		x	
9	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính Mã số: 1.013879.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	

10	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động Mã số: 1.013890.H42	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không có	x	- Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.	x		
11	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013866.H42	- Trường hợp 1: 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: + 60 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. + Riêng đối với hồ sơ chế phẩm có chứa hoạt chất hoặc có dạng sản phẩm hoặc có phạm vi sử dụng hoặc tác dụng lần đầu đăng ký tại Việt Nam: 120 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Trường hợp 1: Theo quy định tại Thông tư số 59/2023/TT-BTC: Phí thẩm định đăng ký lưu hành mới: 11.000.000 đồng /hồ sơ. Trường hợp 2: Theo quy định tại Thông tư số 59/2023/TT-BTC: - Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm (nộp lần đầu cùng với hồ sơ đăng ký lưu hành mới): 3.500.000 đồng/hồ sơ. - Phí thẩm định đăng ký lưu hành mới (nộp khi bổ sung Phiếu trả lời	x	- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		

				kết quả khảo nghiệm và kết quả kiểm nghiệm thành phần hoạt chất): 11.000.000 đồng/hồ sơ.					
12	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013874.H42	30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 4.000.000 đồng /hồ sơ.	X	- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;	X		
13	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013887.H42	30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 2.500.000 đồng/hồ sơ.	X	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;	X		
14	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013891.H42	30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 5.000.000 đồng/hồ sơ.	X	- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	X		
15	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn	60 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 3.500.000 đồng/hồ sơ. - Phí thẩm định	X	- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày	X		

	trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013895.H42			đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung: 2.500.000 đồng/hồ sơ.		01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.			
16	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013867.H42	30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí 2.500.000 đồng /hồ sơ.	x	- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;	x		
17	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất Mã số: 1.013868.H42	- 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ đối với đăng ký lưu hành bổ sung thay đổi hạn sử dụng. - Các trường hợp còn lại: 60 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định hồ sơ cho phép khảo nghiệm: 3.500.000 đồng/hồ sơ. - Phí thẩm định đăng ký lưu hành đăng ký lưu hành bổ sung: 2.500.000 đồng/hồ sơ.	x	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		

18	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013870.H42	10 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 2.500.000 đồng/lần.	x	- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;	x		
19	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013872.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không.	x	- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ;		x	
20	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu Mã số: 1.013875.H42	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ.	x	- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		
21	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ Mã số: 1.013880.H42	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ.	x	- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ;		x	
22	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ	x	- Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ;	x		

	trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng Mã số: 1.013881.H42		công			- Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.			
23	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu Mã số: 1.013883.H42	15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ	x		x		
24	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu Mã số: 1.013886.H42	03 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ	x	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;		x	
25	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu Mã số: 1.013889.H42	03 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ	x	- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.		x	

26	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.013892.H42	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp đình chỉ lưu hành chế phẩm tạm thời. - Trường hợp thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm: 15 ngày, kể từ ngày xác định các trường hợp theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
27	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá Mã số: 1.013896.H42	Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Chưa có quy định	x	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; - Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số Luật ngày 21/11/2007; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;		x	
28	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) Mã số: 1.013898.H42	Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh		x	- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Thông tư số 49/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế; - Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế;	x		

29	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá Mã số: 1.013894.H42	Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị theo dấu văn bản đến	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Chưa có quy định	x	- Thông tư số 19/2025/TT-BYT ngày 15/6/2025 của Bộ Y tế.	x		
30	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng Mã số: 2.000655.H42	Cơ sở được thực hiện hoạt động tiêm chủng sau khi đã thực hiện việc công bố đủ điều kiện tiêm chủng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007; - Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.		x	
31	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II Mã số: 1.003580.H42	Các cơ sở xét nghiệm được tiến hành xét nghiệm trong phạm vi chuyên môn sau khi tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x			x	
32	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng Mã số: 1.001386.H42	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x			x	

33	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.002944.H42	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	210.000 đồng	x	- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư 43/2021/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính.	x		
34	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm Mã số: 1.002467.H42	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	300.000 Đồng	x		x		
35	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng Mã số: 2.000997.H42	Ngay sau khi tiếp nhận đủ đơn và tài liệu minh chứng đã tiêm vắc xin phòng bệnh.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Phí : 8 USD tiêm chủng vắc xin sốt vàng và cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế Phí : 85000 Đồng tiêm chủng (gồm vắc xin đường uống, đường tiêm) áp dụng biện pháp dự phòng và cấp chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng		- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007; - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.		x	

36	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải Mã số: 2.000993.H42	Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với một phương tiện vận tải không quá 01 giờ đối với phương tiện đường bộ, đường hàng không; 02 giờ đối với phương tiện đường sắt, đường thủy. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận tải không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 01 giờ đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường hàng không; 02 giờ đối với phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy. Trường hợp quá thời gian kiểm tra nhưng chưa hoàn thành công tác chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch y tế, trước khi hết thời gian quy định 15	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Phí : 14 USD (Container 20 fit) Phí : 18 USD (Tàu thuyền chở khách dưới 150 chỗ ngồi) Phí : 25 USD (Tàu bay các loại) Phí : 26 USD (Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải dưới 5000 GRT) Phí : 28 USD (Container 40 fit) Phí : 35 USD (Tàu bay chở hàng hóa các loại) Phí : 39 USD (Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải từ 5000 GRT trở lên) Phí : 40 USD (Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa dưới 1000 tấn) Phí : 45 USD (Tàu bay chở người dưới 300 chỗ ngồi) Phí : 65 USD		- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.		x	
----	---	---	-----------------------------------	---	--	---	--	---	--

		phút, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ. - Thời gian cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau khi hoàn thành việc xử lý y tế. - Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế: + Không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ hoặc một toa tàu hỏa, một tàu bay; + Không quá 06 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận tải thuộc diện phải xử lý y tế.	(Kiểm tra y tế và Gia hạn hoặc cấp lại Giấy chứng nhận miễn xử lý/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)) Phí : 65 USD (Tàu bay chở người từ 300 chỗ ngồi trở lên) Phí : 65 USD (Khử trùng nước dẫn tàu với Tàu thuyền đang chứa từ 1000 tấn trở lên) Phí : 75 USD (Tàu thuyền chở khách từ 150 chỗ ngồi trở lên) Phí : 95 USD (Tàu biển trọng tải dưới 10.000 GRT) Phí : 0.4 USD (Kho hàng, container các loại) Phí : 0.5 USD (Tàu thuyền các loại) Phí : 0.5 USD (Tàu bay các loại) Phí : 0.9 USD (Diệt chuột bằng xông hơi hóa chất)					
--	--	---	---	--	--	--	--	--

		+ Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi, xông hơi diệt chuột. + Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận tải đường bộ hoặc một toa tàu hỏa hoặc một tàu bay; không quá 04 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.		Phí : 110 USD (Tàu biển trọng tải từ 10.000 GRT trở lên) Phí : 130 USD (Kiểm tra y tế và cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)) Phí : 0.14 USD (Kho hàng) Phí : 0.42 USD (Tàu biển các loại) Phí : 21000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại tải trọng dưới 5 tấn (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)) Phí : 25000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn) Phí : 25000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng dưới 5 tấn)					
--	--	---	--	---	--	--	--	--	--

				(công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)) Phí : 35000 Đồng (Phương tiện thủy các loại (gồm tàu thuyền chở hàng hóa, chở người, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy) qua lại biên giới) Phí : 35000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên) Phí : 35000 Đồng (Tàu thuyền các loại (gồm tàu chở người, chở hàng, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy)) Phí : 40000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng từ 5 tấn đến 30 tấn (công nông, xe tải, xe con, xe khách, xe khác)) Phí : 50000 Đồng					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

				(Tầu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)) Phí : 55000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại qua lại biên giới tải trọng trên 30 tấn) Phí : 65000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại tải trọng từ 5 tấn trở lên (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác)) Phí : 70000 Đồng (Tầu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)) Phí : 130000 Đồng (Tầu hỏa (Đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa))					
37	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa Mã số: 2.000981.H42	- Thời gian hoàn thành việc giám sát đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Phí : 110 USD (Tầu biển trọng tải từ 10.000 GRT trở lên) Phí : 130 USD (Kiểm tra y tế và cấp Giấy chứng nhận miễn xử lý		- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ.		X	

		- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. - Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm có	/xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)) Phí : 7000 Đồng (Lô/kiện dưới 10kg) Phí : 15000 Đồng (Lô/kiện từ 10kg đến 100kg) Phí : 20000 Đồng (Lô/kiện trên 100kg) Phí : 25000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng dưới 5 tấn) Phí : 95 USD (Tàu biển trọng tải dưới 10.000 GRT) Phí : 18 USD (Tàu thuyền chở khách dưới 150 chỗ ngồi) Phí : 25 USD (Tàu bay các loại) Phí : 26 USD (Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải dưới 5000 GRT)						
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

		thông báo gia hạn.		Phí : 39 USD (Tàu thuyền, tàu kéo, tàu đẩy, xà lan tự hành sông biển trọng tải từ 5000 GRT trở lên) Phí : 65 USD (Kiểm tra y tế và Gia hạn hoặc cấp lại Giấy chứng nhận miễn xử lý /xử lý vệ sinh tàu thuyền (gồm cả lần đầu, cấp lại)) Phí : 75 USD (Tàu thuyền chở khách từ 150 chỗ ngồi trở lên) Phí : 35000 Đồng (Phương tiện thủy các loại (gồm tàu thuyền chở hàng hóa, chở người, ghe, đò, xuồng, tàu kéo, tàu đẩy) qua lại biên giới) Phí : 35000 Đồng (Phương tiện đường bộ các loại (công nông, xe tải, xe bán tải, xe con, xe khách, xe khác) tải trọng từ 5 tấn trở lên)						
--	--	--------------------	--	---	--	--	--	--	--	--

				Phí : 35000 Đồng (Dưới 5 tấn) Phí : 50000 Đồng (Tàu hỏa (Theo Toa, đầu tàu, xe goòng tính bằng một toa)) Phí : 50000 Đồng (Từ 5 tấn đến 10 tấn) Phí : 60000 Đồng (Từ trên 10 tấn đến 15 tấn) Phí : 75000 Đồng (Từ trên 15 tấn đến 30 tấn) Phí : 80000 Đồng (Từ trên 30 tấn đến 60 tấn) Phí : 110000 Đồng (Từ trên 60 tấn đến 100 tấn) Phí : 140000 Đồng (Từ trên 100 tấn)					
38	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt Mã số: 2.000972.H42	Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một	Kiểm tra/xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu	Phí : 5 USD (Kiểm tra y tế đối với tro cốt) Phí : 7 USD (Kiểm tra y tế đối với hài cốt) Phí : 14 USD (Xử lý vệ sinh hài cốt) Phí : 20 USD		- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007; - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.		X	

		thi thể hoặc một hải cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một thi thể hoặc một hải cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.		(Kiểm tra y tế đối với thi thể) Phí : 40 USD (Xử lý vệ sinh thi thể) Phí : 6.5 (Kiểm tra y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người)					
39	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người Mã số: 1.002204.H42	- Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Phí : 6.5 USD		- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007; - Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.		x	

		phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một lô mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế biên giới yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá							
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.							
40	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng Mã số: 1.013034.H42	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020; - Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ.		x	
41	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV Mã số: 1.013035.H42	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x			x	
42	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Mã số: 1.013036.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	x			x	
43	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Mã số: 1.013037.H42	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	x			x	

44	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.002564.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	600.000 đồng/hồ sơ	x	- Luật quảng cáo ngày 21/6/2012. - Luật hóa chất ngày 21/11/2007. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế. - Thông tư số 20/2024/TT-BYT ngày 14/10/2024 của Bộ Y tế. - Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính.	x		
45	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng Mã số: 1.001189.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Luật quảng cáo ngày 21/6/2012; - Luật hóa chất ngày 21/11/2007. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.	x		
46	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.004062.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ; - Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		

47	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế Mã số: 1.004070.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Phí: 300.000 đồng/hồ sơ	x	- Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 129/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ. - Thông tư 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		
48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo Mã số: 1.001114.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Luật Hóa chất ngày 21/11/2007. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế. - Thông tư số 20/2024/TT-BYT ngày 14/10/2024 của Bộ Y tế.	x		
49	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Luật Quảng cáo ngày 21/6/2012; - Luật Hóa chất ngày 21/11/2007. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế. - Thông tư số 20/2024/TT-BYT ngày 14/10/2024 của Bộ Y tế.	x		

	Mã số: 1.001178.H42								
II	Lĩnh vực Dược phẩm								
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) Mã số: 1.014076.H42	30 Ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	1. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP): 4.000.000 đồng 2. Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP): a) Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: 500.000 đồng b) Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn lại: 1.000.000 đồng	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 41/2023/TT-BCT ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính.		x	

				3. Thẩm định điều kiện của cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền (gồm cả vị thuốc cổ truyền) a) Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 300.000 đồng. b) Đối với cơ sở tại các địa bàn còn lại: 750.000 đồng					
2	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ Mã số: 1.014092.H42	20 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	500.000 đồng	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 41/2023/TT-BCT ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính.	x		

3	Cấp chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề được Mã số: 1.014099.H42	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	x		
4	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất) Mã số: 1.014100.H42	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	x		
5	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ Mã số: 1.014101.H42	10 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x		x		
6	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động Mã số: 1.014102.H42	10 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x				
7	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên	- Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016; - Luật Dược số 44/2024/QH15 ngày 21 tháng 11 năm 2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP		x	

	liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền) Mã số: 1.014104.H42	trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 36 của Luật Dược; - Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 của Luật Dược							
8	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc Mã số: 1.014069.H42	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Chưa có quy định	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 31/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ Y tế.	x		
9	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định Mã số: 1.014078.H42	15 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không có	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	x		
10	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền	30 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính	Không.	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024;	x		

	chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã số: 1.014087.H42		công			- Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế.			
11	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh Mã số: 1.014090.H42	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	x		
12	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải	- 07 ngày làm việc đối với trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. - 05 ngày làm việc đối với trường hợp yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc trường hợp không cấp phép xuất khẩu.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không có	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Luật Dược sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/2024; - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế; - Quyết định số 3235/QĐ-BYT ngày 01/11/2024 của Bộ Y tế; - Thông tư số 06/2017/TT-BYT ngày 03/5/2017 của Bộ Y tế.	x		

	kiểm soát đặc biệt Mã số 1.014105.H42								
13	Cung cấp thuốc phóng xạ Mã số: 1.001396.H42	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	x	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế; - Thông tư số 27/2024/TT-BYT ngày 01/11/2024 của Bộ Y tế.	x		
III	Lĩnh vực Thiết bị y tế								
1	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B Mã số: 3.000447.H42	Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không		- Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế.	x		
2	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B Mã số: 3.000448.H42	Sau 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Phí thẩm định hồ sơ xuất khẩu thiết bị y tế: 1.000.000 đồng/1 hồ sơ		- Luật Quản lý ngoại thương. - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;	x		

						- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.			
3	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất Mã số: 3.000449.H42	Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không có		- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế.	x		
4	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế Mã số: 1.003006.H42	0 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3.000.000 đồng/hồ sơ		- Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ Y tế; - Thông tư số 10/2023/TT-BYT ngày 11/5/2023 của Bộ Y tế; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		
5	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B Mã số: 1.003029.H42	0 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định công bố thiết bị y tế loại A: 1.000.000 đồng/1 hồ sơ Phí thẩm định công bố thiết bị y tế loại B: 3.000.000 đồng/1 hồ sơ			x		
6	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D Mã số: 1.003039.H42	0 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định 3.000.000đồng/1 hồ sơ			x		
IV	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội								

1	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội Mã số: 1.013817.H42	Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
2	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã số: 1.013820.H42	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
3	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội Mã số: 1.013815.H42	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không.	x	- Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
4	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập Mã số: 1.013814.H42	05 ngày làm việc đối với việc cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập và cấp giấy chứng nhận thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập; 10 ngày đối với việc giải thể cơ sở trợ giúp xã hội.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không.	x	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
5	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt	Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ	Không	x	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ;		x	

	Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài Mã số: 1.012993.H42	nhận được hồ sơ theo quy định.	hành chính công			- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
6	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội Mã số: 1.012990.H42	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x	
7	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật Mã số: 1.001806.H42	10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010. - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x	
8	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội Mã số: 2.000477.H42	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.		x	
9	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	10 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;		x	

	Mã số: 2.000286.H42	nhân dân xã; 15 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý				- Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;			
10	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội Mã số: 2.000282.H42	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ;	x		
V	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội								
1	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân Mã số: 1.014010.H42	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Phòng, chống mua bán người ngày 28/11/2024; - Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x	
2	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân Mã số: 1.014011.H42	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Phòng, chống mua bán người ngày 28/11/2024; - Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày		x	

						28/02/2025 của Chính phủ.			
3	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân Mã số: 2.001661.H42	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hỗ trợ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Phòng, chống mua bán người ngày 28/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự ngày 25/6/2025; - Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x	
4	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân Mã số: 1.000091.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Phòng, chống mua bán người ngày 28/11/2024; - Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025.		x	
5	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân Mã số: 2.000027.H42	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Phòng, chống mua bán người ngày 28/11/2024; - Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ;		x	
6	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân Mã số: 2.000025.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x	
VI	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh								

1	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng Mã số: 1.012292.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	430.000 đồng/hồ sơ	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		
2	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng Mã số: 1.012289.H42	30 Ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	430.000 Đồng	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		
3	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm	Kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP	x		

	kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng Mã số: 1.012291.H42					ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.			
4	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng Mã số: 1.012290.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 150.000 đồng/hồ sơ (trường hợp 1,2,12,15,16,17) 430.000 đồng/hồ sơ (trường hợp 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14)	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		
5	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS Mã số: 1.012281.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.		x	

6	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh Mã số: 1.012280.H42	Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và; 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí (không thu phí đổi với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh): Trường hợp 1: 1.500.000 đồng/hồ sơ II. Trường hợp 2: a) Thay đổi quy mô hoạt động: - Bệnh viện: 10.500.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ. - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh	X	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính;	X	
---	--	---	--	--	---	---	---	--

			khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ. b) Thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật - Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000 đồng/hồ sơ. - Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế: 3.100.000 đồng/hồ sơ. - Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000 đồng/hồ sơ. c) Giảm bớt danh mục kỹ thuật: Không thu phí.					
--	--	--	--	--	--	--	--	--

7	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh Mã số: 1.012279.H42	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 1.500.000 đồng/hồ sơ (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x	
8	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh Mã số: 1.012276.H42	sau 15 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị và giấy phép hành nghề kèm theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x	
9	Đăng ký hành nghề Mã số: 1.012275.H42	Cùng thời điểm cấp giấy phép hoạt động đối với trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận văn bản đăng ký hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x	
10	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí : 430.000 đồng	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;	x	

	truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền Mã số: 1.012271.H42					- Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính			
11	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh Mã số: 1.012278.H42	Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và; 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định: - 3.100.000 đồng: Đối với Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế; - 4.300.000 đồng: Đối với Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sĩ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sĩ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng; - 4.300.000 đồng: Đối với các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác; - 5.700.000 đồng: Đối với Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám	X	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính.		X	

				bệnh, chữa bệnh y học gia đình; - 10.500.000 đồng; Đối với Bệnh viện.					
12	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền Mã số: 1.012273.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.		x	
13	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền Mã số: 1.012272.H42	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trường hợp (1) và (2): 105.000 đồng; - Các trường hợp còn lại: 301.000 đồng (không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp)	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ Tài chính		x	
14	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa Mã số: 1.012260.H42	10 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định.	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.		x	
15	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật Mã số: 1.012262.H42	60 ngày kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định.	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.	x		
16	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa	45 ngày	Trung tâm Phục vụ	Không quy định	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;		x	

	bệnh từ xa Mã số: 1.012261.H42		hành chính công			- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.			
17	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh Mã số: 1.012258.H42	Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.		x	
18	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo Mã số: 1.012257.H42	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định.	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.		x	
19	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành Mã số: 1.012256.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định.	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.		x	

20	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng Mã số: 1.006780.H42	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động của trạm, điểm sơ cấp cứu	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định.	x	- Luật Hoạt động chữ thập đỏ ngày 03 tháng 6 năm 2008; - Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Y tế.		x	
21	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ Mã số: 1.001138.H42	30 Ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x			x	
22	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ Mã số: 2.000559.H42	30 Ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x			x	
23	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm Mã số: 2.000552.H42	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x			x	
VII	Lĩnh vực Mỹ phẩm								
1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu Mã số: 1.009566.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí 500.000 đồng/sản phẩm	x	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế.	x		

2	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm Mã số: 1.003073.H42	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công			- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 7866/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế.		x	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm Mã số: 1.003064.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.		x	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm Mã số: 1.003055.H42	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	6.000.000đ (Sáu triệu đồng).	x	- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.		x	
5	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước Mã số: 1.002600.H42	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; 05 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ phải bổ sung.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí 500.000 đồng	x	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế; - Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế; - Thông tư số 34/2025/TT-BYT ngày 03/7/2025 của Bộ Y tế;	x		

						- Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/6/2023 Bộ Tài chính.			
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm Mã số: 1.002483.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí Thẩm định nội dung thông tin, quảng cáo thuốc, mỹ phẩm: 1.600.000 đồng/hồ sơ.	x	- Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế; - Thông tư 114/2017/TT-BTC ngày 24/10/2017 của Bộ Tài chính; - Quyết định 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế.	x		
7	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng Mã số: 1.000990.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012. - Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế;	x		
8	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT Mã số: 1.000793.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu tiếp nhận công văn đến	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	Luật quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế; - Quyết định 3904/QĐ-BYT ngày 18/9/2015 của Bộ Y tế.	x		
9	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	x	- Luật quảng cáo ngày 21 tháng 06 năm 2012. - Căn cứ Nghị định số 181/2013/NĐ-	x		

	tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo Mã số: 1.000662.H42	theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ	công			CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế.			
10	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm Mã số: 1.002238.H42	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	x	- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế; - Thông tư số 34/2025/TT-BYT ngày 03/7/2025 của Bộ Y tế.		x	
VIII Lĩnh vực Y Dược cổ truyền									
1	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền Mã số: 1.012419.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; - Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.		x	
2	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền Mã số: 1.012418.H42	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận là lương y: 2.500.000đ (Theo thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính)	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; - Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.	x		
3	Cấp lại giấy chứng nhận lương y Mã số: 1.012417.H42	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không có	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; - Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày	x		

						30/8/2023 của Bộ Tài chính.			
4	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT Mã số: 1.012415.H42	Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận là lương y: 2.500.000đ (Theo thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính)	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; - Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.		x	
5	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT Mã số: 1.012416.H42	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận là lương y: 2.500.000đ (Theo thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính)	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15; - Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024; - Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 của Bộ Tài chính.		x	
6	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế Mã số: 1.009407.H42	30 Ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016. - Thông tư số 32/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế; - Quyết định số 1145/QĐ-BYT ngày 08/02/2021 của Bộ Y tế.		x	
IX	Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em								
1	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống	60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không thu phí.	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số năm 2023 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;		x	

	nghiệm Mã số: 1.013845.H42					- Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
X	Lĩnh vực Khoa học, công nghệ và đào tạo								
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh Mã số: 1.013824.H42	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không.	x	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15. - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.		x	
2	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố Mã số: 1.004539.H42	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không.	x	Nghị định 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ.		x	
XI	Lĩnh vực Tổ chức cán bộ								

1	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần. Mã số: 1.013876.H42	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;	x		
2	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần. Mã số: 1.013871.H42	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	x		
XII	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng								
1	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú” Mã số: 1.012422.H42	Trong thời gian 06 tháng.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Thi đua khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022; - Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; - Nghị định số 25/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú".- Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế. - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính	x		

						quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.			
2	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng Mã số: 1.009346.H42	132 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Hội đồng xét tặng cấp cơ sở có 33 ngày làm việc. - Hội đồng cấp Bộ có 99 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; - Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2020/TT-BYT ngày 02/12/2020 của Bộ Y tế.		x	
3	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền Mã số: 1.009249.H42	150 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022; - Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2024/TT-BYT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế.		x	
XIII	Lĩnh vực Trẻ em								
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em Mã số: 1.004946.H42	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức,	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	

		cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.							
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em Mã số: 1.004944.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.		x	
XIV	Lĩnh vực An toàn thực phẩm								
1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế Mã số: 1.013838.H42	03 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/sản phẩm	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính.		x	

2	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS) Mã số: 1.013847.H42	03 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính.	x		
3	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi Mã số: 1.013851.H42	10 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.100.000 đồng /lần/01 sản phẩm	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế; - Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.	x		
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch	20 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	- Thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm (trừ cơ sở	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP		x	

	vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế Mã số: 1.013855.H42			sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng /lần/cơ sở + Đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở - Thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: + Đối với cơ sở phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở + Đối với cơ sở phục vụ từ 200	ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.			
--	--	--	--	---	---	--	--	--

				suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.					
5	Thủ tục Đăng ký bản công bố sản phẩm sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi Mã số: 1.013858.H42	07 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng/lần/sản phẩm	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.	x		
6	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi Mã số: 1.013862.H42	07 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng/lần/sản phẩm	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.	x		
7	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước Mã số: 1.013857.H42	45 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng	x	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ;		x	

						- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.			
8	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước Mã số: 1.013854.H42	- 45 ngày nếu theo quy định tại phần 7 phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP - 30 ngày nếu theo quy định tại phần 8 phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP	Trung tâm phục vụ hành chính công	20.500.000 đồng	x	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.		x	
9	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước Mã số: 1.013850.H42	- 45 ngày nếu theo quy định tại phần 7 phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP - 30 ngày nếu theo quy định tại phần 8 phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;		x	

		phụ lục 5, Nghị định 148/2025/NĐ-CP				ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính;			
10	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 Mã số: 1.013844.H42	30 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	28.500.000 đồng	x	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.		x	
11	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công	05 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;	x		

	nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 Mã số: 1.013841.H42					- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
12	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu Mã số: 1.013829.H42	05 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng	x	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2025/TT-BYT ngày 07/3/2025 của Bộ Y tế; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.	x		
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm Mã số: 2.001293.H42	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: Thẩm định cơ sở sản xuất (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): - Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ;		x	

				nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh): được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở Lệ phí: Không có		- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.			
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm Mã số: 2.001278.H42	- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng; trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm, toàn bộ quy trình sản xuất và mặt hàng kinh doanh; trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng; trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm, toàn bộ quy trình sản xuất và mặt hàng kinh doanh; trường hợp đề nghị cấp lại Giấy	X	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương			

		do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không có phí. - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Phí: Thẩm định cơ sở sản xuất (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe): + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

				500.000 đồng/lần/cơ sở; + Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất, vừa kinh doanh) được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng /lần/cơ sở.					
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm Mã số: 2.000117.H42	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở Lệ phí: Không có	x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.		x	

16	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm Mã số: 2.000115.H42				x	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.			
	Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở Lệ phí: Không có				x	
	Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không			x		
	Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không			x		
	Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: Thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở Lệ phí: Không có				x	

	Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không			X		
	Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không			X		
17	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm Mã số: 1.003860.H42	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị Lệ phí: Không có	X	- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.		X	

18	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm Mã số: 2.001595.H42	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 20.500.000 đồng/lần/đơn vị Lệ phí: Không có	x			x	
19	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm Mã số: 1.003929.H42	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị Lệ phí: Không có	x	- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.		x	
20	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước Mã số: 2.001682.H42	45 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị Lệ phí: Không có	x	- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;		x	

						- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính.			
21	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước Mã số: 1.003951.H42	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 20.500.000 đồng /lần/đơn vị Lệ phí: Không có	x	- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày	x		

						05/8/2021 của Bộ Tài chính.			
22	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước Mã số: 2.001660.H42	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phí: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị Lệ phí: Không có	x	- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 20/2013 /TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính;		x	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
							Toàn trình	Một phần	DVCC TT trực tuyến
I	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội								
1	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí	10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm phục vụ hành	Không	x	- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày		x	

	xã hội Mã số: 1.014027.H42	được văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.	chính công			27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.			
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội Mã số: 1.014028.H42	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không		- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.		x	
3	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn Mã số: 1.013821.H42	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ.		x	
4	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn Mã số: 1.013822.H42	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 109/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
5	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng Mã số: 1.001776.H42	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không		- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
6	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Trung tâm phục vụ hành	Không	x	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ;		x	

	hội Mã số: 1.001731.H42	sơ hợp lệ	chính công			- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.			
7	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật Mã số: 1.001699.H42	25 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		x	
8	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật Mã số: 1.001653.H42	05 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010; - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.		x	
9	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành	Không	x	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ;		x	

	Mã số: 2.000477.H42		chính công			- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025.			
10	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn Mã số: 2.000355.H42	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
11	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội Mã số: 2.000286.H42	10 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã; 15 ngày làm việc đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi UBND cấp tỉnh quản lý	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	
12	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội Mã số: 2.000282.H42	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục theo quy định.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; - Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.		x	
II	Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em								
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số. Mã số: 2.001088.H42	10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006; - Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.		x	

2	Cấp giấy chứng sinh đôi với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ Mã số: 1.002192.H42	03 Ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Hộ tịch ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ Y tế; - Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27/9/2019 của Bộ Y tế.		x	
III Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội									
1	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân Mã số: 2.001661.H42	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị hỗ trợ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Phòng, chống mua bán người ngày 28/11/2024; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 25/6/2025; - Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ.		x	
IV Lĩnh vực Trẻ em									
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em Mã số: 1.004946.H42	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không		- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	

		các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.							
2	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em Mã số: 1.004944.H42	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật trẻ em năm 2016. - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.		x	
3	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Mã số: 2.001947	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật Trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.		x	
4	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em Mã số: 1.004941	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x			x	

5	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em Mã số: 2.001944	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x			x	
6	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế Mã số: 2.001942	25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	x	- Luật trẻ em năm 2016; - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 147/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.		x	